TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 10 - 9 - 2019.
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hồng Thái.

Bà Phạm Thị Hương.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2019/TLST-HNGĐ ngày 22/7/2019 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/8/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị LưuThị L, sinh năm: 1981.

Nơi ĐKHKTT: Xóm T, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Địa chỉ hiện nay: Xóm 9, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn C, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 15/7/2019 và bản tự khai, nguyên đơn chị LưuThị L trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn C kết hôn với nhau vào ngày 31 tháng 7 năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ

chồng chung sống hòa thuận. Đến năm 2004 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh C có hành vi bạo lực gia đình đối với chị L. Từ tháng 3 năm 2008 đến nay, vợ chồng sống ly thân. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống hòa thuận được, chị đề nghị xin được ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Mạnh C, sinh ngày 30/6/2001 và Hoàng Thị V, sinh ngày 23/4/2006. Hiện nay con Hoàng Mạnh C đã trưởng thành, con Hoàng Thị V đang ở với anh C. Về con chung chị đề nghị được nuôi cháu Hoàng Thị V và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị ngày 19 tháng 8 năm 2019 của bà Vũ Thị H (mẹ đẻ anh Hoàng Văn C) trình bày:

Anh Hoàng Văn C có biết việc chị Lưu Thị L có đơn xin ly hôn anh; gia đình bà đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Bà đã thông báo cho anh C biết về việc Tòa án đã gửi cho anh các giấy tờ trên nhưng do bận công việc anh C đã không đến Tòa án được.

Về tình cảm vợ chồng: Bà H xác nhận quá trình chung sống vợ chồng anh C chị L có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2008 đến nay. Về việc chị L xin ly hôn anh C có quan điểm cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là là Hoàng Mạnh C, sinh ngày 30/6/2001 và Hoàng Thị V, sinh ngày 23/4/2006. Hiện nay cháu Hoàng Mạnh C đã trưởng thành đi làm tự lập, cháu Hoàng Thị V đang ở với anh C. Đối với yêu cầu nuôi con của chị L anh C đồng ý để chị L nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị V.

Về tài sản, công nợ: Anh chị không có tài sản chung, không nợ ai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70;71 BLTTDS.

Bị đơn đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để giải quyết, không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, vắng mặt tại phiên tòa, vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các điều 70; 72 BLTTDS.

Tòa án đã hoãn phiên tòa do bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, mở lại phiên tòa lần thứ hai xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227; 233; 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị L và anh C sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56 và Điều

81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lưu Thị L.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị L. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh C có nghĩa vụ giao con chung cho chị L nuôi dưỡng khi chị L yêu cầu.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử nhận định, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt văn bản tố tụng cho anh Hoàng Văn C theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh C vắng mặt không có lý do là vi phạm quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS. Tòa án đã hoãn phiên tòa do bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, mở lại phiên tòa lần thứ hai xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại Điều 227; 233; 238 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Lưu Thị L và anh Hoàng Văn C kết hôn ngày 31 tháng 7 năm 1999 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2004 phát sinh mâu thuẫn, anh C có hành vi bạo lực đối với với chị L, dẫn đến tháng 3 năm 2008 anh chị đã sống ly thân cho đến nay.

Bà Vũ Thị H (là mẹ đẻ anh Hoàng Văn C), có lời khai xác nhận: quá trình chung sống vợ chồng anh C chị L có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2008 đến nay. Về việc chị L xin ly hôn, anh C có quan điểm nhất trí ly hôn với chị L.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh C đã thực sự tan vỡ, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2008 cho đến nay, xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ với nhau được nữa; Yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với quy định của pháp luật được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung, HĐXX thấy: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Mạnh C, sinh ngày 30/6/2001 và Hoàng Thị V, sinh ngày 23/4/2006. Hiện nay cháu Hoàng Mạnh C đã trưởng thành đi làm tự lập. Chị L và anh C đều không có yêu cầu giải quyết về trách nhiệm đối với cháu Hoàng Mạnh C nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Hoàng Thị V, chị L có đề nghị được nuôi cháu V. Do anh C vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án đã thông báo nhiều

lần nhưng anh C không có văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc nuôi con chung mà chỉ trao đổi với bà H về việc đồng ý để chị L nuôi cháu V. Việc chị L nhận nuôi dưỡng con Hoàng Thị V và không yêu cầu anh C cấp dưỡng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lưu Thị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Toà án:

1. Xử ly hôn giữa chị Lưu Thị L và anh Hoàng Văn C.

2. Về con chung: Giao cho chị Lưu Thị L có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung Hoàng Thị V, sinh ngày 23/4/2006. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Cháu Hoàng Thị V hiện đang ở cùng anh Hoàng Văn C. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, khi chị L có yêu cầu nuôi con, anh C có nghĩa vụ giao cháu V cho chị L nuôi dưỡng.

Anh Hoàng Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn ; không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Lưu Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số BB/2012/05071 ngày 22/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định được trừ vào số tiền án phí chị L phải nộp. Chị L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lưu Thị L, anh Hoàng Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã T, huyện T;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng